TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1656/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21/9/2022
V/v Ly hôn.

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Ngọc Thực

2/ Ông Phạm Văn ThA

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/6/2022 về việc "TrA chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5114/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 8 tháng 09 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1976 (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt); Địa chỉ: 340/25 Q, Phường 10, quận G, Thành phố H.

Bị đơn: Tran Ngoc A (Trần Ngọc A), sinh năm 1965 (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt); Địa chỉ: 99 Dolores RD, Toronto, Ontario M3L 2B2, Canada.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn (để nhận giấy tờ liên quan đến vụ án, bản án, quyết định của Tòa án): Ông Nguyễn Long V, sinh ngày 26/2/2004 (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt); Địa chỉ: Phường 10, quận G, Thành phố H (Theo giấy ủy quyền ngày 02/8/2022 được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Ốt-ta-oa, Canada chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số 07/08/2022-CNCK ngày 09/8/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Bà và ông Tran Ngoc A (Trần Ngọc A) kết hôn vào năm 2017 theo giấy chứng nhận kết hôn số 000161 ngày 01/08/2017 tại Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Do thói quen người Việt nên khi làm đơn ly hôn bà đã viết tên có dấu (tên khai sinh) là Trần Ngọc A, thực tế hai tên này là của một người.

Sau khi kết hôn hai hai bên chung sống với nhau được khoảng 01 tháng, sau đó do công việc nên ông Tran Ngoc A (Trần Ngọc A) phải quay trở về

Canada sinh sống, trong quá trình ông Tran Ngoc A (Trần Ngọc A) ở Canada hai bên vẫn liên lạc với nhau bình thường qua điện thoại. Đến khoảng tháng 3/2019 ông Tran Ngoc A (Trần Ngọc A) có về Việt Nam thăm bà và gia đình, sau đó lại đi sang Canada, do tình hình dịch Covid kéo dài nên ông Tran Ngoc A (Trần Ngọc A) không trở về Việt Nam. Do sống cách xa nhau một thời gian dài, không có thời gian quan tâm chăm sóc nhau nên quá trình liên lạc giữa hai bên đã xảy ra những bất đồng ý kiến và quan điểm sống. Ông Tran Ngoc A (Trần Ngọc A) đã chủ động cắt liên lạc với bà từ cuối năm 2019, bà đã nhiều lần liên lạc nhưng không được. Trên thực tế hai bên đã sống ly thân, nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Tran Ngoc A (Trần Ngọc A).

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Tran Ngoc A (Trần Ngọc A) trình bày tại bản tự khai ngày 02/8/2022 được Đại sứ quán Việt Nam tại Ốt-ta-oa, Canada chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số 05/08/2022-CNCK ngày 09/8/2022 có nội dung như sau: Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc T kết hôn năm 2017 theo giấy chứng nhận kết hôn số 000161 ngày 01/08/2017 tại Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về quá trình chung sống và mâu thuẫn bà thống nhất như trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc T. Ông được biết bà T đang yêu cầu ly hôn với ông tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với yêu cầu của bà T ông có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm : Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T, bị đơn ông Tran Ngoc A (Trần Ngọc A) đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ trA chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án :

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam có đơn xin ly hôn với bị đơn ông Tran Ngoc A (Trần Ngọc A) đang cư trú tại Canada, đây là trA chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 ; Điều 38 ; Điều 40; Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 123 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên tham gia phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T, bị đơn ông Tran Ngoc A (Trần Ngọc A)đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T, bị đơn ông Tran Ngoc A (Trần Ngọc A)có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 000161 ngày 01/08/2017 tại Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Tran Ngoc A (Trần Ngọc A)trình bày: Sau khi kết hôn hai hai bên chung sống với nhau được khoảng 01 tháng, sau đó do công việc nên ông Tran Ngoc A (Trần Ngọc A)quay trở về Canada sinh sống, trong quá trình ông Tran Ngoc A (Trần Ngọc A)ở Canada hai bên vẫn liên lạc với nhau bình thường qua điện thoại. Đến khoảng tháng 3/2019 ông Tran Ngoc A (Trần Ngọc A)có về Việt Nam sau đó lại đi sang Canada, do tình hình dịch Covid kéo dài nên ông Tran Ngoc A (Trần Ngọc A)không trở về Việt Nam. Do sống cách xa nhau, không có thời gian quan tâm chăm sóc nhau nên quá trình liên lạc giữa hai bên đã xảy ra những bất đồng ý kiến và quan điểm sống. Hai bên đã sống ly thân trong một thời gian dài. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Tran Ngoc A.

Về phía ông Tran Ngoc A (Trần Ngọc A)có bản tự khai ngày 02/8/2022 được Đại sứ quán Việt Nam tại Ốt-ta-oa, Canada chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số 05/08/2022-CNCK ngày 09/8/2022, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Xét thấy, vợ chồng có quyền, nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, xây dựng gia đình hạnh phúc, đây cũng là mục đích của hôn nhân. Do điều kiện khách quan nên thực tế vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Tran Ngoc A (Trần Ngọc A)đã không còn chung sống dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng kéo dài, tình cảm phai nhạt, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Ngọc T xin ly hôn và ông Tran Ngoc A (Trần Ngọc A)đồng ý thuận tình ly hôn là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xét.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Tran Ngoc A (Trần Ngọc A) được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 38; Điều 40; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 ; Điều 57; Điều 122; Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016.UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ luật Thi hành án dân sự 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Tran Ngoc A (Trần Ngọc A).

2/ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

3/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền bà Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002285 ngày 01/06/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Bà Nguyễn Thị Ngọc T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Ông Tran Ngoc A (Trần Ngọc A)được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Phương